

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

“*Tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ trả tiền*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia; ông Bùi Sỹ Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXX-ST ngày 20/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà A Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H; sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà G N, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà G N, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn N trình bày: Gia đình tôi có cửa hàng bán sắt, thép tại nhà, vào ngày 27 tháng 01 năm 2021 Âm lịch tôi có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H bà Nguyễn Thị P lượng sắt thép và nợ lại tôi số tiền 52.472.000đ. Ông H đã ký xác nhận trong sổ nợ và cam kết mỗi tháng trả từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ nhưng không thực hiện. Tôi nhiều lần yêu cầu thì đến ngày 28/11/2022 vợ ông H trả được 3.000.000đ, sau đó không trả nữa. Đến ngày 21/01/2023 (ngày 30 Tết âm lịch) tôi đòi thì ông H không có tiền trả mà đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000đ thì tôi đồng ý nhưng sau đó vợ chồng ông H cũng không thực hiện như cam kết. Đến ngày 06/4/2023 vợ ông H trả 3.000.000đ, ngày 30/8/2023 vợ ông H trả 2.000.000đ và ngày 08/02/2024 vợ ông H trả 3.000.000đ. Tổng cộng vợ chồng ông H đã trả cho tôi số tiền 11.000.000đ những lần trả nợ cho tôi vợ chồng ông

H đều ký xác nhận trong sổ nợ và tôi đã nộp cho Tòa án. Số tiền còn lại 41.472.000đ tôi nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông H vẫn không trả. Hôm nay, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H bà Nguyễn Thị P phải trả cho tôi số tiền còn nợ do mua sắt, thép là 41.472.000đ (Bốn mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Tôi không yêu cầu tiền lãi.

* Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà P1 là vợ của ông Nguyễn Quốc H, do ông H bận không tham gia phiên tòa được nên bà P thay mặt ông H: Trước đây, chồng bà là ông H có làm thợ cửa sắt nên vào ngày 27/01/2021 âm lịch có mua sắt, thép từ cửa hàng của ông N và có nợ số tiền 52.472.000đ (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là đúng. Sau đó do ông H bệnh nên không làm thợ nữa và bà P đã trả dần cho ông N được 11.000.000đ, trong khi trả tiền bà P ký xác nhận với tên ở nhà là H1 trong sổ nợ của ông N. Hiện nay vợ chồng bà P còn nợ số tiền 41.472.000đ (Bốn mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) như ông N khai là đúng sự thật. Tuy nhiên, do ông H bệnh không làm được chỉ có một mình bà lao động và chỉ đủ tiền để nuôi con nên không có tiền trả cho ông N. Hôm nay, bà P xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ chứ không có khả năng trả một lần được. Nếu ông N không đồng ý thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật chứ bà P không ý kiến gì thêm.

* Ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo cho ông H về kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt. Ngày 20/9/2024 ông H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, không trình bày của ông H trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai về “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã An Khê thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là có căn cứ.

[3]. Về số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn N khẳng định chứng cứ là 01 tờ giấy học sinh 4 ôly lấy ra từ sổ ghi nợ (được ghi 02 mặt) xác nhận số nợ ngày 27/01/2021 số nợ là 52.472.000đ do vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Quốc H mua sắt, thép còn nợ lại tiền là đúng sự thật. Từ khi nợ tiền cho đến nay vợ chồng

ông H chỉ trả được 11.000.000đ và còn nợ lại số tiền 41.472.000đ không trả nên ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải trả số tiền còn nợ nói trên. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã An Khê đã giao các Văn bản Tố tụng của Tòa án trực tiếp cho vợ chồng ông H và bà P nhưng không có ý kiến phản đối gì về số tiền còn nợ mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 41.472.000đ. Tại phiên tòa bà P thừa nhận vợ chồng ông H bà P còn nợ ông N số tiền 41.472.000đ đến nay chưa trả, là đúng sự thật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn N số tiền do mua sắt, thép còn nợ là 41.472.000đ (Bốn mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo quy định tại các Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về khoản lãi. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Mức án phí có trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N với số tiền 41.472.000đ nên ông H và bà P phải chịu số tiền là 2.073.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng vào các Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn N.

- Buộc ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị P, phải trả số tiền là 41.472.000đ (Bốn mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) cho ông Lâm Văn N.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lâm Văn N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- **Về án phí:** Buộc ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 2.073.600đ (Hai triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lâm Văn N số tiền 1.036.800đ (Một triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm

đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0013173 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/9/2023) các đương sự có kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THADS TX. An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn